

CHA TÔI

(Trích *Đặng Dịch Trai ngôn hành lục*⁽¹⁾)

ĐẶNG HUY TRỨ

TIỂU DẪN

Đặng Huy Trứ (1825 - 1874) hiệu Tỉnh Trai và Vọng Tân, tự là Hoàng Trung, người làng Thanh Lương, xã Hương Xuân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Ông hoạt động trên nhiều lĩnh vực : giáo dục, văn hoá, kinh tế, quân sự, văn học,... và trên lĩnh vực nào cũng để lại dấu ấn không mờ.

Năm 1843, khi mười tám tuổi, Đặng Huy Trứ đỗ cử nhân. Song trong khoa thi Ấn khoa⁽²⁾ năm 1848, mặc dù đã đỗ tiến sĩ, xếp thứ bảy nhưng vì phạm huy⁽³⁾ ông đã bị đánh trượt và bị tước luôn cả học vị cử nhân. Dù vậy, Đặng Huy Trứ vẫn không nản lòng.

Là người đặt nền móng cho tư tưởng canh tân, Đặng Huy Trứ hoạt động chính trị - xã hội và văn hoá không biết mệt mỏi. Noi gương ông, sau này Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch,... dâng thư đếu trần và ra sức vận động nhằm đổi mới đất nước. Đáng tiếc rằng tư tưởng tân tiến của các ông không được nhà vua bấy giờ để ý.

Đặng Huy Trứ sáng tác rất nhiều. Ông đã để lại khoảng một ngàn hai trăm bài thơ và nhiều tác phẩm khác như *Việt sử thánh huấn diễn Nôm*, *Sách học vấn tân*, *Đông nam tân mĩ lục*,... và một số ghi chép tản mạn khác.

Năm 1867, trong lúc bị ốm khi đang công cán ở Quảng Đông (Trung Quốc) Đặng Huy Trứ nhớ tới quê nhà, hồi tưởng về người cha đáng kính của mình và viết nên *Đặng Dịch Trai ngôn hành lục*. Đây là tác phẩm kí khá độc đáo của ông.

*

* *

(1) *Đặng Dịch Trai ngôn hành lục* : ghi chép về lời nói và việc làm của Đặng Dịch Trai. Dịch Trai là tên hiệu của Đặng Văn Trọng, thân phụ Đặng Huy Trứ

(2) *Ấn khoa* : Thời Nguyễn, ngoài khoa thi chính thức có định kì, gặp những ngày lễ lớn, nhà vua thường mở thêm kì thi, cũng lấy đồ như kì thi chính thức, gọi là Ấn khoa

(3) *Phạm huy* : phạm những điều cấm khi viết bài thi. Xem thêm chú thích (2) và (3) trang 14.

Mùa thu năm Quý Mão⁽¹⁾, tôi theo cha cùng người anh con bác trưởng là Đặng Huy Sĩ đến trường Phú Xuân⁽²⁾ để thi.

Chiều hôm trước ngày yết bảng công bố kết quả, tôi đi xem hát ở phủ An Phong, Hồng Bảo.

Đến khi xướng danh, người đầu tiên được gọi là Lê Vĩnh Khanh ; người thứ hai là Nguyễn Đăng Hành. Xướng đến người thứ ba, tiếng loa nói :

– Người xã Bác Vọng⁽³⁾ ...

Tiếng loa chưa dứt thì sĩ tử đã kêu lên :

– Tiên sinh họ Đặng⁽⁴⁾ đó rồi. Người như thế, đồ như thế là hợp với điều trông mong của mọi chúng ta. Chúng ta may mà được xếp bên dưới tiên sinh cũng là phúc rồi.

Khoa này, ngoài ba người họ Đặng nhà tôi đi thi, trong xã có Đặng Văn Minh ở giáp⁽⁵⁾ Đông, Trương Văn Nguyên và Lê Văn Hội ở giáp Tây.

Cha tôi đang từ tốn cảm tạ mọi người thì tiếng loa chợt xướng đến tên tôi :

– Đặng Huy Trứ...

Mọi người ngạc nhiên :

– Lạ nhỉ ! Cha không đồ mà con lại đồ. Do số mệnh chăng ? [...]

Lại nói, khi xướng danh thì tôi còn đương ở chỗ xem hát, ý định là để đến tối sẽ đi coi bảng tú tài⁽⁶⁾ xem có tên mình hay không. Quan chấm thì lúc đó không thấy tôi lên lĩnh mũ áo phải sai quân vệ cưỡi voi truyền loa gọi. Các em nhỏ vội chạy báo tôi mau về. Về đến nơi thì thấy cha tôi đã chuẩn bị bốn người bạn và giao cho anh Trần Huyền Phủ, con có thứ hai đưa tôi vào trường thi. [...]

Tôi bái lĩnh mũ áo trở ra. Sĩ tử bầy tưng đi xem bảng lúc ấy thấy cha tôi dựa vào cây xoài, nước mắt ướt áo. Mọi người lấy làm lạ hỏi :

– Con đồ cao là việc đáng mừng, sao cụ lại khóc như gặp việc chẳng lành vậy ?

Cha tôi nói :

– Có gì đáng vui đâu. Đồ đạt cao là để dành cho người có phúc đức. Con tôi tính tình chưa già dặn, chưa có đức nghiệp gì. Lúc đầu nghĩ cho hần đi thi, chẳng qua là muốn cho

(1) Năm Quý Mão : ở đây là năm 1843.

(2) Trường Phú Xuân : trường thi ở Huế lúc bấy giờ.

(3) Gia đình Đặng Huy Trứ vốn ở Thanh Lương, khi đi thi ông lại đăng kí quê ở Bác Vọng.

(4) Họ Đặng : mọi người tưởng là Đặng Văn Trọng.

(5) Giáp : đơn vị hành chính thời xưa, nhỏ hơn thôn.

(6) Tú tài : học vị dưới cử nhân. Đặng Huy Trứ khiêm tốn, ý nói rằng mình chỉ đáng đồ tú tài thôi.

hắn quen với tiếng trống trường thi mà thôi, may mà đỗ được tú tài thì ở nhà dạy trẻ cũng đủ miếng cơm manh áo, chẳng may nữa thì cũng khỏi phải đi phu phen, binh dịch⁽¹⁾, đâu dám có tham vọng được dự yến vua ban. Nào ngờ, mới một lần đi thi lại trúng thứ ba. Đó là do triều đình nuôi dưỡng, tổ tông tích đức, gia đình giáo dục mà được thế. Chỉ sợ rồi lại kiêu căng, tự mãn, ếch ngồi đáy giếng coi trời bằng vung, phúc đâu chẳng thấy, họa đã sẵn chờ. Cổ nhân đã nói : "Thiếu niên đang khoa nhất bất hạnh dã !"⁽²⁾. Thuyền nhỏ kham sao nổi trọng tải lớn ! Tôi lo lắng là vì thế. Nhìn lên, tôi đội ơn tác thành của thiên tử, lại cảm kích công vun trồng của tổ tiên, chỉ sợ con tôi không báo đáp được nghĩa nặng ơn dày nên không cầm nổi nước mắt.

Nói rồi, nước mắt vẫn ứa ra, bạn bè khuyên giải mới thôi. Mọi người lại nói :

– Cha như thế, con như thế đủ rõ nền nếp giáo dục của gia đình. "Bỉ sắc tư phong"⁽³⁾, vốn là đạo trời vậy.

Rồi vỗ vai tôi và nói :

– Vị tân khoa hãy cố gắng cho thân phụ khỏi lo.

*
* *
*

Khoa thi Hội⁽⁴⁾ mùa xuân năm Đinh Mùi⁽⁵⁾ nhân tứ tuần đại khánh⁽⁶⁾ của đức Hiến tổ Chương Hoàng đế Thiệu Trị, vua cho mở Ân khoa. Tôi đi thi. Đề thi kinh nghĩa do chính vua ra. Cả hai vi Giáp, Ất⁽⁷⁾ không một thí sinh nào làm được đủ các đề, tôi làm đủ và được bảy phân. Còn bài văn đối sách thì không sát đề lắm. Các quan chấm thi là Phan Thanh Giản, Trương Quốc Dụng⁽⁸⁾ đem quyển thi dâng vua, vua xem lại và nói : "Không nỡ vì một từ vết mà bỏ" và cho tôi đỗ. Tôi được xếp thứ bảy. Khoa ấy đề thi rất khó.

(1) Thời xưa, ai đỗ từ tú tài trở lên thì được miễn đi lính, đi phu.

(2) Câu này lấy ý của Trình Di (1033 - 1107) người thời Bắc Tống : Con người có ba điều bất hạnh : tuổi trẻ mà đỗ đạt cao là điều bất hạnh thứ nhất ; dựa vào uy thế của cha anh để được quan cao lộc hậu là điều bất hạnh thứ hai ; có tài cao, giỏi văn chương là điều bất hạnh thứ ba.

(3) *Bỉ sắc tư phong* : mặt này hơn thì mặt kia kém đi. Đây là quan niệm của người xưa, hơn cái này thì kém cái khác, được cái này thì mất cái kia,...

(4) *Thi Hội* : khoa thi do triều đình tổ chức, thường ba năm mở một lần, thí sinh phải đỗ thi Hương mới được dự. Người đỗ kì thi Hội được học vị tiến sĩ.

(5) *Năm Đinh Mùi* : ở đây là năm 1847.

(6) *Tứ tuần đại khánh* : ngày mừng vua bốn mươi tuổi.

(7) Ngày xưa, trường thi thường chia thành từng lò, gọi là vi đánh thứ tự Giáp, Ất, Bính,... cho nên ở đây *Giáp* là một, *Ất* là hai.

(8) Phan Thanh Giản (1796 - 1867), người Bến Tre, đỗ tiến sĩ năm 1826 ; Trương Quốc Dụng (1797 - 1864), người Hà Tĩnh, đỗ tiến sĩ năm 1829. Hai ông đều làm giám khảo khoa thi năm 1847.

Trong chính bảng⁽¹⁾ tám người đỗ chỉ có một mình Nguyễn Văn Hiến, người Mỹ Chánh, huyện Phong Điền, trúng cả tam trường, đỗ Hội nguyên, còn đều chỉ đạt nhị trường. Tôi vì làm được cả sáu đề kinh nghĩa, đạt điểm số cao nên được xếp trên Nguyễn Đức Tư, người An Thục, Quảng Trị.

Tin tôi thi Hội đỗ báo về. Cha tôi lại rớt nước mắt và nói :

– Bậc đỗ đại khoa át phải là người phúc phận lớn. Con tôi đức độ ra sao mà được như vậy, chỉ làm cho tôi thêm lo lắng.

Vào thi Đình, đề cũng do vua ra. Làm đến đoạn ca ngợi công đức, tôi dùng hai chữ "phong đô", không nhớ "phong đô" là đồng âm với "phong đô địa phủ". Đến bài văn sách, đoạn nói về "cổ đại làm hại lúa non" tôi dùng bốn chữ "nha miêu chi hại"⁽²⁾, không để ý rằng "nha miêu" là đồng âm với "Gia Miêu", mà Gia Miêu là quê hương của nhà vua⁽³⁾.

Quan giám khảo là Hà Duy Phiên, người Hoàng Đạo, Thanh Hoá, là Hiệp biện đại học sĩ tâu lên vua, tôi liền bị truất tiến sĩ và cách cả bằng cử nhân khoa trước, chờ khoa sau cho thi lại.

Kì thi Đình năm ấy vào ngày 26 tháng 4. Đúng hôm đó, từ cuối nhà bên trái điện Cần Chánh báo tin dữ : bác ngự y Đặng Văn Chúc⁽⁴⁾ mất [...]. Tôi thì vừa bị đánh hỏng trong kì thi Đình [...]. Cả nhà lại càng buồn cho tôi. Riêng cha tôi cho rằng việc tôi bị truất cả tiến sĩ và cử nhân như không có chuyện gì đáng kể, chỉ thờ dài và nói :

– Nay chặt chân tay tôi, róc thịt xương tôi cũng được, tôi chỉ thương anh tôi thôi ! Công việc của Trứ không đáng kể. Khi người ta đầy đủ lắm thì trời gạt bớt đi cho bằng. Gia đình ta cực kì thịnh mãn rồi, việc Trứ gặp phải như vậy là phúc cho nhà ta mà cũng là cái may lớn cho bản thân Trứ. Song, sau cơn sấm sét, mưa móc lại có thể tưới nhuận. Trứ nếu cố gắng chịu khó học vẫn còn nhiều hi vọng. Riêng anh của ta ra đi là ra đi mãi mãi. Từ nay về sau có muốn chụm đầu vào nhau mà hàn huyên cũng không thể nào được nữa rồi.

Mấy ngày sau, việc tang bác tôi hơi thư, cha tôi mới khuyên nhủ tôi :

– Đã vào thi Đình thì không còn đánh trượt nữa, từ đời Lê đến nay như thế đã lâu mà nay con lại bị đánh trượt. Nhưng thôi. Nhân việc sai lầm tội lỗi của con, Táo quân tâu lên Thiên tào, Âm ti thi hành lệnh phạt, tước cả khoa danh của con là để rèn luyện cho con nên người. Con không được vì thế mà thoái chí. Ông Phạm Văn Huy ở Thiên Lộc, ông Mai Anh Tuấn ở Thanh Hoá trước đây cũng đã từng bị cách cử nhân. Về sau, một người

(1) Thời Nguyễn, người ta chia tiến sĩ làm hai bảng : chính bảng và phó bảng. Chỉ những ai đỗ *chính bảng* mới được khắc tên vào bia Văn Miếu ở Huế, *đỗ phó bảng* thì không được như vậy.

(2) *Nha miêu chi hại* : cái làm hại lúa non.

(3) *Gia Miêu* : quê của các vua triều Nguyễn ; bởi vậy câu "nha miêu chi hại" có thể hiểu là "cái làm hại của Gia Miêu".

(4) *Đặng Văn Chúc* : anh Đặng Văn Trọng, bác ruột của Đặng Huy Trứ

đỏ hoàng giáp, một người đỏ thám hoa. Buổi sáng mất, buổi chiều lại thu về, hẳn là sau khi bị cách, các ông ấy đã nỗ lực tu tỉnh, cho nên đã sậy chân ngã mà lại đứng lên được. Tài học, phẩm hạnh của con còn kém các ông ấy muôn lần. Người ta ai chẳng có lúc mắc sai lầm, quý là ở chỗ biết sửa chữa.

(Theo bản dịch của nhóm TRÀ LĨNH, trong sách
Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại, tập hai : Kí,
NXB Giáo dục, 2001)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Đoạn trích có mấy sự kiện chính ? Hãy tóm tắt nội dung từng sự kiện.
2. Phân tích lời đáp của thân phụ Đặng Huy Trứ khi mọi người hỏi : "Con đỗ cao là việc đáng mừng, sao cụ lại khóc như gặp việc chẳng lành vậy ?". Theo anh (chị), câu "Thiếu niên đăng khoa nhất bất hạnh dã" đối với ngày nay đúng hay sai ? Vì sao ?
3. Hãy chỉ ra tính triết lí trong lời nói của Đặng Dịch Trai trước việc con trai bị đánh trượt tiến sĩ và bị tước cả học vị cử nhân.
4. Triết lí về việc đỗ – trượt trong thi cử của thân phụ Đặng Huy Trứ gợi cho anh (chị) suy nghĩ gì về việc thi cử của bản thân ?
5. Nêu ý nghĩa đoạn kết : "Ông Phạm Văn Huy ở Thiên Lộc... quý là ở chỗ biết sửa chữa".

TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

Tự thuật

Bài *Cha tôi* thuộc loại văn *tự thuật*. *Tự thuật* là một trong những thể tài của *kí*. Ở Việt Nam thời trung đại, kí chỉ thực sự ra đời từ thế kỉ XVIII khi người cầm bút ý thức và tự khẳng định được cái tôi cá nhân của mình.

Kí tự thuật thường được dùng để kể lại cuộc đời, những kỉ niệm, những sự kiện lớn tác động đến tâm tư, tình cảm, nhận thức xã hội của bản thân người cầm bút và người cầm bút thường dùng đại từ ngôi thứ nhất để xưng hô trong tác phẩm. Một yêu cầu nghiêm ngặt dường như bắt buộc đối với tác giả kí tự thuật trung đại là tính trung thực, không hư cấu. Bởi vậy ta không ngạc nhiên khi thấy Đặng Dịch Trai nói : "Thiếu niên đăng khoa nhất bất hạnh dã", nhưng khi biết tin Đặng Huy Trứ bị truất cả tiến sĩ và cử nhân, ông lại thở dài và khuyên nhủ con : "Đã vào thi Đình thì không còn đánh trượt nữa, từ đời Lê đến nay như thế đã lâu mà nay con lại bị đánh trượt. Nhưng thôi". Rõ ràng Đặng Dịch Trai chỉ tàn thành việc triều đình đánh trượt học vị tiến sĩ của Đặng Huy Trứ nhưng không hài lòng về việc triều đình truất cả học vị cử nhân của con ông.